

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Út.

2. Bà Trần Thị Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong các ngày 15 và 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị T** – sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Bãi Nam, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Huỳnh Quốc S** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Kp. Ba Hòn, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ý kiến của bà Trần Thị T:

Tôi với ông Huỳnh Quốc S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, không tin tưởng lẫn nhau. Xảy ra nhiều mâu thuẫn, chúng tôi thường xuyên cãi vã, cảm thấy không hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông ông S.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh năm 2008, tôi xin nuôi con, yêu cầu ông S cấp dưỡng theo quy định.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- *Ý kiến của ông Huỳnh Quốc S:*

Tôi với bà T chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tính tình không hòa hợp. Nay nếu vợ cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh năm 2008, tôi đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng tháng đầu tiên vào ngày 01/10/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của bà Trần Thị T:* Tôi đồng ý với mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng như ông S trình bày.

- *Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Huỳnh Quốc T trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn thì cháu T có nguyện vọng tiếp tục được sống với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về việc "Xin ly hôn và nuôi con" theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Huỳnh Quốc S chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cả bà T và ông S đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông S đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn*". Bà T và ông S

là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...”*. Bà T có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà T và ông S không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông S theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: *“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh năm 2008. Bà T, ông S thỏa thuận giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông S sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/10/2022.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Do bà T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định. Do ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Huỳnh Quốc S.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Quốc T cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc thỏa thuận của ông, bà về việc ông S sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/10/2022.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà T phải chịu số tiền án phí dân sự về hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009128 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T không phải nộp thêm. Do các đương sự thống nhất về việc ông S sẽ cấp dưỡng nuôi con nên buộc ông S phải chịu số tiền án phí dân sự về cấp dưỡng là 150.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Bà T, ông S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho